



Review Article

Theory: Leadership, Governance, Management, and Administration
(Review of the Education Journal Articles in 2020)

Le Ngoc Hung^{1,*}, Tran Thi Trang², Cao Thi Thanh Nhan¹, Bui Thi Phuong³

¹VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

²Graduate Academy of Social Sciences, 477 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

³Hanoi University of Public Health, 1A Duc Thang, Dong Ngac, Bac Tu Liem, Hanoi, Vietnam

Received 04 September 2021

Revised 14 November 2021; Accepted 14 November 2021

Abstract: Based on the general systems theory, this study uses scoping method and bibliometrics to review 874 articles published in Vietnam's three educational journals in 2020. The article titles and abstracts with key words "theory, leadership, governance, management, administration" are selected and reviewed. The study tends to accept the hypothesis of "doctrine abundance, scientific theory shortage" in Vietnam's educational research. The hypothesis of under-differentiation and confusion of leadership, governance, management and administration has also been accepted with the fact that there are the majority of articles on management and the minority of articles on leadership, governance, administration. Other finding is that most articles focus on internal management elements including professional development, teaching and learning for cognitive objectives in systems of general education and tertiary education. Therefore, this study recommends to further do research and develop theories of educational sciences for all educational systems in general and preschool education and occupational education in particular. The research subject matter needs to cover external relationships between educational systems and environments. The objectives of comprehensive education should include ethical/moral, physical, aesthetic education harmonized with cognitive education to adapt to changes in the period of economic market renovation, world integration and digitalization.

Keywords: Leadership, governance, management, administration, educational sciences theory.

* Corresponding author.

E-mail address: Lengochung.vnu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4579>

Lý thuyết: lãnh đạo, quản trị, quản lý và hành chính (Qua nghiên cứu các bài tạp chí về giáo dục năm 2020)

Lê Ngọc Hùng^{1,*}, Trần Thị Trang², Cao Thị Thanh Nhân¹, Bùi Thị Phương³

¹Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Học viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

³Trường Đại học Y tế Công cộng, 1A Đức Thắng, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 04 tháng 9 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 14 tháng 10 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 10 năm 2021

Tóm tắt: Theo cách tiếp cận lý thuyết hệ thống tổng quát, nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng quan scoping và bibliometrics đối với 874 bài báo trên tạp chí về giáo dục năm 2020 theo các từ khóa “lý thuyết, lãnh đạo, quản trị, quản lý, hành chính” trong tên và tóm tắt bài. Căn cứ kết quả nghiên cứu có thể chấp nhận giả thuyết về vấn đề “thừa lý luận, thiếu lý thuyết khoa học trong các nghiên cứu khoa học giáo dục ở Việt Nam. Giả thuyết về vấn đề thiếu sự phân hóa quản lý với lãnh đạo, quản trị, quản lý, hành chính được chấp nhận khi đa số các bài về “quản lý” và ít bài về “lãnh đạo”, “quản trị”, “hành chính” trong giáo dục. Một phát hiện khác là đa số các bài tạp chí tập trung nghiên cứu các yếu tố nội bộ hệ thống bao gồm hoạt động giáo dục, giảng dạy, học tập nhằm mục tiêu giáo dục tri thức và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong giáo dục phổ thông và giáo dục đại học. Do vậy, có thể cần tăng cường nghiên cứu vận dụng lý thuyết các khoa học giáo dục trong nghiên cứu giáo dục mầm non và nghề nghiệp; Đồng thời cần mở rộng nội dung, đối tượng và phạm vi nghiên cứu khoa học giáo dục sang mối quan hệ của hệ thống giáo dục với xã hội nhằm phát triển con người có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp thích ứng với thời kỳ đổi mới kinh tế thị trường, hội nhập thế giới và chuyển đổi số.

Từ khóa: Lãnh đạo, quản trị, quản lý, hành chính, lý thuyết các khoa học giáo dục.

1. Đặt vấn đề

Một trong những nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cần được chú trọng thực hiện ở Việt Nam từ năm 2013 đến nay là tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục [1]. Một số bài tổng quan thực trạng các khoa học giáo dục Việt Nam phát hiện thấy số lượng các công trình công bố trong nước và quốc tế đã tăng mạnh trong những năm gần đây [2-4].

Tuy nhiên, một số nghiên cứu chỉ ra vấn đề thừa lý luận và thiếu lý thuyết khoa học giáo dục [5] và vấn đề “quá tải” và “chồng lấn” của

quản lý giáo dục với lãnh đạo, quản trị và hành chính trường học [6]. Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: các bài tạp chí khoa học giáo dục mới nhất ở Việt Nam có gặp phải những vấn đề này và những vấn đề nào khác? Để trả lời câu hỏi này bài viết sử dụng phương pháp tổng quan rà soát (scoping) [7, 8] và phân tích trắc lượng thư viện (bibliometrics) [9] đối với tên và tóm tắt các bài báo trên ba tạp chí khoa học về giáo dục xuất bản năm 2020.

2. Tổng quan nghiên cứu và khung lý thuyết

Tổng quan các nghiên cứu khoa học công bố quốc tế. Một nghiên cứu dùng bibliometrics [9] cho biết các công bố quốc tế [3] của khoa học Việt Nam tăng lên trong năm 2009-2018 với tổng cộng 33,474 bài báo thuộc danh mục ISI, bình quân 3347 bài/năm và tăng 22%/năm.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: Lengochung.vnu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4579>

Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ đóng góp nhiều bài báo nhất, chiếm 26% và lĩnh vực khoa học kinh tế và khoa học xã hội chiếm tỉ trọng ít nhất với 4%. Một nghiên cứu dùng bibliometrics phân tích cơ sở dữ liệu Clarivate Web of Science đã phát hiện được 215 tài liệu khoa học giáo dục Việt Nam công bố quốc tế [4] năm 1991 - 2018. Trong đó, 43 tài liệu công bố trong 23 năm (1991-2013) và 172 tài liệu trong 5 năm đổi mới giáo dục (2014 - 2018). Trong 11 chủ đề, “giảng dạy và học tập” được nghiên cứu nhiều nhất với 143 tài liệu (66,4%), tiếp đến là chủ đề “quản lý, lãnh đạo và chính sách” với 56 tài liệu (26%) và chủ đề ít được nghiên cứu nhất là “giáo dục đặc biệt” với 6 tài liệu (2,8%). Về cấp giáo dục, 106 tài liệu (49,3%) nghiên cứu giáo dục đại học, 70 tài liệu (32,6%) về giáo dục phổ thông và chỉ 6 tài liệu (2,8%) về giáo dục mầm non.

Tổng quan các nghiên cứu về khoa học giáo dục công bố ở Việt Nam. Năm 2014, một bài báo tổng quan 662 tài liệu gồm các tóm tắt luận văn thạc sỹ về giáo dục, trong đó 337 tài liệu về giáo dục học và 325 tài liệu về quản lý giáo dục [10]. Tổng quan này cho biết một trong các yếu kém của các nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam là chỉ có trên một phần ba (35,5%) các tài liệu “vận dụng lý thuyết” và gần hai phần ba các tài liệu còn lại “mô tả thực trạng, “đề xuất giải pháp” hoặc “nghiên cứu, điều tra, khảo sát”. Năm 2020, một nghiên cứu thống kê các bài báo theo từ khóa gắn với đổi mới giáo dục trong tiêu đề và tóm tắt bài trên Tạp chí Giáo dục và Tạp chí Khoa học Giáo dục của Việt Nam từ tháng 01/2016 đến tháng 3/2020 [2]. Trong gần 30 từ khóa có “giáo dục đại học”, “giáo dục phổ thông”, “giáo dục mầm non”, “cán bộ quản lý” và nhiều từ khóa khác, nhưng không thấy “giáo dục nghề nghiệp”, “lãnh đạo”, “quản trị”, “quản lý” và “lý thuyết”. Rất ít bài báo dùng từ khóa “cán bộ quản lý” (11 bài) và “bồi dưỡng cán bộ quản lý” (6 bài), trong khi đó từ khóa “năng lực” xuất hiện nhiều nhất trong 1696 bài báo. Mặc dù không thống kê bài theo từ khóa “lý thuyết”, nhưng công trình này đã đề xuất việc nghiên cứu mô hình quản lý trường học hiệu quả và vận dụng các lý thuyết quản lý hiện đại vào công tác quản lý [2].

Khung lý thuyết. Bài viết này lựa chọn khung lý thuyết hệ thống tổng quát để xem xét nhiệm vụ nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý được thể hiện như thế nào qua các bài tạp chí về giáo dục ở Việt Nam [5, 6]. Theo khung lý thuyết này “giáo dục” được xem xét như là một hệ thống mở, hướng đích, hợp trội, đa chiều cạnh và phản trực cảm trong mối tương tác với môi trường. Có thể nêu hai câu hỏi nghiên cứu đối với các công trình khoa học giáo dục Việt Nam dưới hình thức bài báo là, thứ nhất, những lý thuyết khoa học giáo dục nào được giới thiệu, vận dụng. Thứ hai, quản lý giáo dục được xem xét như thế nào trong mối quan hệ với “lãnh đạo”, “quản trị” và “hành chính” giáo dục? Câu hỏi 1 giúp kiểm chứng giả thuyết về vấn đề “thừa lý luận, thiếu lý thuyết khoa học” của các nghiên cứu về giáo dục. Câu hỏi 2 giúp làm rõ giả thuyết về sự chồng chéo, trùng lặp và thiếu thiếu chuyên môn hóa và thiếu chuyên nghiệp cả trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn quản lý giáo dục [5, 6, 10]. Như vậy, khung lý thuyết có thể gọi rằng “lý thuyết các khoa học giáo dục” [5, 11] cần được áp dụng trong nghiên cứu và đào tạo về “lãnh đạo”, “quản trị”, “hành chính” và “quản lý” giáo dục, đào tạo [6].

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp scoping [7, 8] và bibliometrics [9] đối với tên và tóm tắt các bài báo trong Tạp chí Quản lý giáo dục, Tạp chí Giáo dục và Tạp chí Khoa học Giáo dục¹ năm 2020. Tiêu đề và bản tóm tắt của từng bài báo được rà soát theo các từ

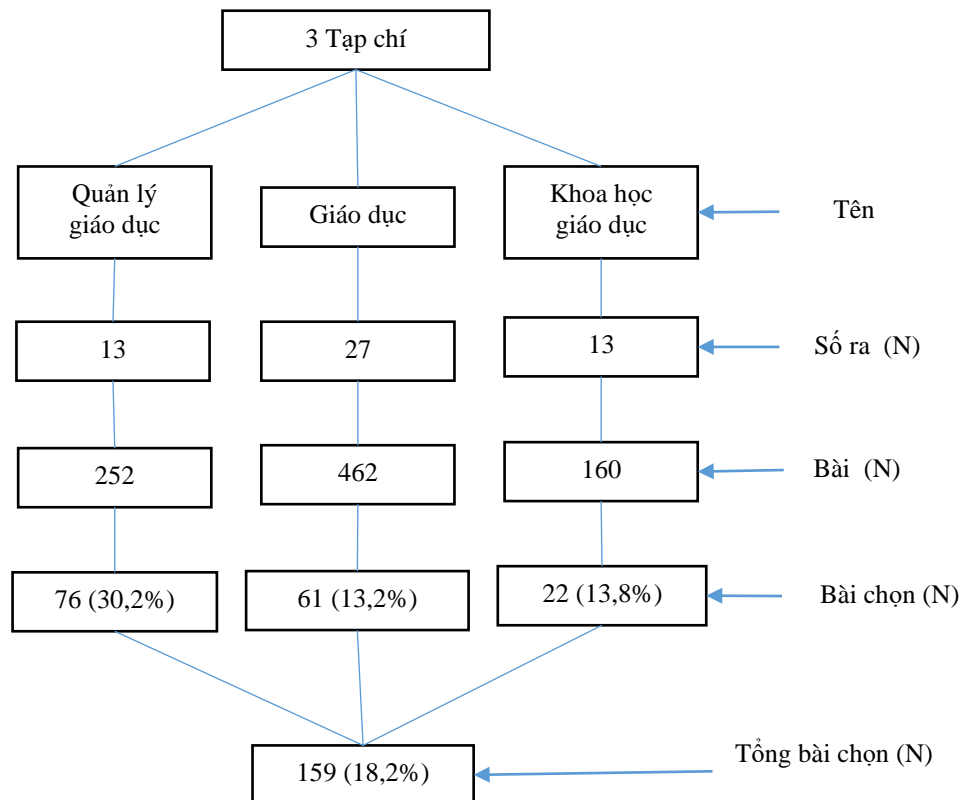
¹ *Tạp chí Quản lý Giáo dục* là ấn phẩm của Học viện Quản lý Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo chuyên xuất bản những công trình nghiên cứu và các bài tổng quan trong lĩnh vực Khoa học Giáo dục và Khoa học Quản lý Giáo dục, định kỳ 1 tháng 1 số, <http://jem.naem.edu.vn/portal/index.php>; *Tạp chí Giáo dục* là ấn phẩm của Bộ Giáo dục và Đào tạo chuyên công bố kết quả nghiên cứu phản ánh lý luận khoa học giáo dục và thực tiễn giáo dục Việt Nam, định kỳ 1 tháng 2 số và các số đặc biệt, <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/>; *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam* là ấn phẩm của Viện Khoa học Giáo dục chuyên công bố kết quả nghiên cứu về các lĩnh vực khoa học giáo dục của Viện và của ngành giáo dục và đào tạo, định kỳ 1 tháng 1 số và các số đặc biệt. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam | (vnies.edu.vn).

khóa nêu trong khung lý thuyết. Sau khi scoping 874 bài báo chọn được 159 bài, các bài này được tiếp tục phân tích theo các từ khóa “lý thuyết”, “lãnh đạo”, “quản trị”, “quản lý”, “hành chính” căn cứ khung lý thuyết.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả 1: Scoping và chọn các bài báo có từ khóa “lãnh đạo”, “quản trị”, “quản lý”, “hành chính”, “lý thuyết”. Sau ba lần scoping

tổng số 874 bài báo đăng trong 3 tạp chí năm 2020, phát hiện được 159 bài (18,2%) sử dụng từ khóa “lãnh đạo” “quản trị”, “quản lý”, “hành chính” và “lý thuyết” khoa học giáo dục trong tên (tiêu đề) và tóm tắt bài (Hình 1). Tạp chí Quản lý giáo dục có nhiều bài nhất với 76 bài chiếm gần 48% trong tổng số 159 bài, tiếp đến là Tạp chí Giáo dục với 61 bài (48%) và tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam có ít bài nhất với 22 bài (14%).



Hình 1. Kết quả scoping các bài báo trên 3 tạp chí về giáo dục năm 2020.

Kết quả 2: nhiều “quản lý”, ít “lý thuyết”, rất ít “quản trị”, “lãnh đạo” và thiếu “hành chính”. Trong 159 bài được chọn có 19 bài “lý thuyết” chiếm 12%. Tạp chí Quản lý giáo dục đăng ít nhất được 2 bài “lý thuyết”, Khoa học giáo dục được 4 bài, trong khi tạp chí Giáo dục đăng được nhiều nhất 13 bài (Bảng 1). Từ “lãnh đạo” chỉ xuất hiện trong 4 bài tạp chí Quản lý giáo dục. Từ “quản trị” có trong 10 bài trên 3 tạp chí. Từ “quản lý” được dùng phổ biến

nhất, với 111 bài, chiếm gần 70% trong 159 bài. Từ khóa “hành chính” chỉ xuất hiện trong tên một bài tiếng Anh và thường được dịch là “quản lý”, do vậy được xếp vào nhóm bài “quản lý”. Tạp chí Quản lý giáo dục đăng nhiều bài “quản lý” nhất với 54 bài chiếm 49% trong 111 bài “quản lý”. Từ khóa “cán bộ quản lý” có thể cần được tách ra để tạo thành một nhóm gồm 15 bài báo, nhiều hơn tổng số 9 bài báo “lãnh đạo” (4 bài) và “quản trị” (4 bài).

Bảng 1. Số lượng và tỉ lệ các bài báo chia theo từ khóa trong tên bài

Tap chí		Quản lý	Cán bộ quản lý	Lãnh đạo	Quản trị	Lý thuyết	Cộng
Quản lý giáo dục	Số lượng	54*	9	4	7	2	76
	Tỉ lệ (%)	71,1	11,8	5,3	9,2	2,6	100,0
Giáo dục	Số lượng	41	6	0	1	13	61
	Tỉ lệ (%)	67,2	9,8	0	1,7	21,3	100,0
Khoa học giáo dục	Số lượng	16	0	0	2	4	22
	Tỉ lệ (%)	72,7	0	0	9,1	18,2	100,0
Cộng	Số lượng	111	15	4	10	19	159
	Tỉ lệ (%)	69,8	9,4	2,5	6,3	12,0	100,0

Ghi chú: (*) bao gồm 1 bài bằng tiếng Anh là “Finance administration of autonomous public school from education cost-sharing approach”.

Hộp 1. Danh mục 19 bài về lý thuyết trong giáo dục

- Một số nghiên cứu về vấn đề dạy học theo *quan điểm kiến tạo*.
- Vận dụng *lý thuyết kiến tạo* để xây dựng quy trình dạy học kiểu bài nghi thức lời nói trong hội thoại cho học sinh tiểu học.
- Biện pháp vận dụng *lý thuyết kiến tạo* trong dạy học các môn Khoa học Xã hội và Nhân văn ở Trường Sĩ quan Quân đội.
- Một số nghiên cứu về sử dụng *thuyết văn hóa xã hội* trong các nghiên cứu về tạo tác lớp học.
- Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm và phong cách học tập của *D. Kolb* trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.
- Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm của *D. Kolb* trong giảng dạy học phần “Giáo dục môi trường” cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học.
- Vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm của *D. Kolb* trong dạy học Vật lý theo hướng phát triển năng lực thực nghiệm cho học sinh.
- Vận dụng *thuyết đa trí tuệ* trong dạy học tập làm văn nhằm phát triển năng lực sáng tạo của học sinh lớp 3 trường tiểu học, trung học cơ sở.
- Vận dụng *thuyết đa trí tuệ* trong dạy học chương “dòng điện xoay chiều” (Vật lý 12) theo hướng bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn của học sinh.
- Đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới động lực của giáo viên dựa vào *lý thuyết hai nhân tố của F. Herzberg*.
- Vận dụng tư tưởng “Hệ thống lớp - bài của *J.A. Komensky* vào nâng cao chất lượng bài giảng ở các trường đại học quân đội hiện nay.
- Tính toán và so sánh độ khó của câu hỏi theo các *lý thuyết khảo thí cổ điển - hiện đại* bằng các phần mềm CETA/R.
- Lý thuyết tổ chức và quản trị nhà trường*.
- Quan điểm của *Aristotle* về giáo dục.
- Giáo dục thể chất trong trường đại học tiếp cận *tư tưởng giáo dục khai phóng*.
- Tính hệ thống của *triết lý giáo dục* qua các mối quan hệ bên trong của nó.
- Tính hệ thống của *triết lý giáo dục*: các mối quan hệ bên ngoài và các loại triết lý giáo dục.
- Khảo sát về *triết lý giáo dục* của người Việt Nam.
- Vai trò của kể chuyện văn học nhằm ngăn ngừa bạo hành ở trường mầm non nhìn từ *lý thuyết giáo dục* của phê bình văn học.

Nguồn: Tạp chí Quản lý giáo dục, 2020; Tạp chí Giáo dục, 2020; Tạp chí Khoa học Giáo dục, 2020.

Kết quả 3: các lý thuyết khoa học trong nghiên cứu giáo dục. Trong 19 bài “lý thuyết” có 5 bài “lý thuyết khác” (bài số 15-19) gồm tư tưởng giáo dục, triết lý giáo dục, lý thuyết giáo dục thiếu tên tác giả lý thuyết và tên chủ đề/nội dung cụ thể của lý thuyết (hộp 1). Trong 14 bài lý thuyết còn lại (bài số 1-14), lý thuyết kiến tạo và lý thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb có thể được phổ biến nhất với mỗi lý thuyết 3 bài. Tiếp đến, lý thuyết đa trí tuệ xuất hiện trong 2 bài. Còn lại 6 lý thuyết xuất hiện lần lượt trong 6 bài. Trong 19 bài lý thuyết chỉ có

một bài (bài số 15) áp dụng tư tưởng giáo dục khai phóng trong giáo dục thể chất (*thể dục*) ở trường đại học. Các lý thuyết còn lại (18 bài) chủ yếu được áp dụng trong nghiên cứu khoa học và giáo dục nhận thức (*trí dục*).

Các lý thuyết được áp dụng tương đối đồng đều trong thực hành giáo dục (10 bài) và trong nghiên cứu khoa học giáo dục (9 bài) (Bảng 2). Tuy nhiên, không bài lý thuyết nào trong giáo dục nghề nghiệp; Chỉ 1 bài áp dụng lý thuyết trong giáo dục mầm non, 5 bài trong giáo dục phổ thông và 4 bài trong giáo dục đại học.

Bảng 2. Mười chín bài “lý thuyết” chia theo cấp giáo dục và nghiên cứu khoa học

Lý thuyết	Giáo dục mầm non	Giáo dục phổ thông	Giáo dục đại học	Nghiên cứu khoa học	Tổng cộng
1. Kiến tạo		1	1	1	3
2. Văn hóa xã hội				1	1
3. Học tập trải nghiệm của D. Kolb		2	1		3
4. Đa trí tuệ		2			2
5. Hai nhân tố của F. Herzberg				1	1
6. J.A Komensky			1		1
7. Khảo thí cổ điển - hiện đại				1	1
8. Tổ chức và quản trị nhà trường				1	1
9. Aristotle về giáo dục				1	1
10. Khác	1		1	3	5
Tổng cộng	1	5	4	9	19

Kết quả 3: ít lãnh đạo, nhưng có cả lý thuyết và kinh nghiệm lãnh đạo, năng lực và kỹ năng lãnh đạo. Năm 2020, trong 3 tạp chí, chỉ Tạp chí Quản lý giáo dục xuất bản được 4 bài báo “lãnh đạo”. Bài 1 về hiệu trưởng trường trung học phổ thông xây dựng và quảng bá sứ mạng, giá trị, tầm nhìn và hệ thống mục tiêu của nhà trường theo cách *tiếp cận lãnh đạo dạy học* (số 4/2020). Tên của cách tiếp cận này trong tiếng Anh là instructional leadership có thể cần dịch là lãnh đạo hướng dẫn [15].

Bài 2 về phát triển kỹ năng mềm cho lãnh đạo các nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục (số 4/2020); Bài 3 về nghiên cứu mô hình phát triển năng lực lãnh đạo cho sinh viên các trường đại học (số 5/2020). Bài 4 về *lãnh đạo - quản lý - quản trị trường ngoài công lập*

trong bối cảnh đổi mới giáo dục: những kinh nghiệm thực tiễn từ Vinschool² (số 8/2020).

Kết quả 4: ít quản trị, nhưng tập trung vào trường học và các yếu tố nội bộ của hệ thống giáo dục. Năm 2020, cả 3 tạp chí xuất bản được 10 bài “quản trị”. Trong 10 bài này có 4 bài (số 1, 2, 3, 4, hộp 2) về “quản trị trường học” bao gồm trường đại học, trung học, trung tâm giáo dục thường xuyên để nâng cao hiệu quả giải quyết những vấn đề đặt ra trong đổi mới giáo dục; 2 bài (số 5, 6, hộp 2) về quản trị nhân lực và giáo viên; 2 bài (số 7, 8, hộp 2) về quản trị những yếu tố của tổ chức gồm tri thức và xung đột; 2 bài (số 9, 10, hộp 2) về đào tạo kỹ năng và năng lực cho nhà quản trị, hiệu trưởng.

² Bài này có ba từ “lãnh đạo”, “quản lý”, “quản trị” nhưng chỉ tính một lần (một bài) cho nhóm bài báo về “lãnh đạo”.

Hộp 2. Danh mục 10 bài về những nội dung quản trị trường học

1. *Quản trị trường học* và những vấn đề đặt ra trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục
2. Giải pháp nâng cao hiệu quả *quản trị trường đại học* công lập Việt Nam trong bối cảnh hiện nay
3. Một số kiến nghị nhằm phát huy mô hình tự chủ trong *quản trị trường trung học phổ thông* hiện nay
4. *Quản trị trung tâm giáo dục* thường xuyên trong bối cảnh hình thành và phát triển giáo dục thường xuyên mở
5. *Quản trị nhân lực* trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay
6. *Quản trị đội ngũ giáo viên* trong nhà trường thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới
7. Đo lường *quản trị tri thức* trong các tổ chức giáo dục
8. *Quản trị xung đột* nội bộ tổ chức từ góc độ văn hóa nhà trường
9. Đề xuất thiết kế khóa xây dựng *kỹ năng của nhà quản trị đại học* trong xu thế quốc tế hóa giáo dục đại học
10. Đào tạo *năng lực quản trị trường học* cho hiệu trưởng trong bối cảnh đổi mới giáo dục (Training of school governance competence for principals in the context of education innovation).

Nguồn: Tạp chí Quản lý giáo dục, 2020; Tạp chí Giáo dục, 2020; Tạp chí Khoa học Giáo dục, 2020.

Kết quả 5: quản lý giáo dục tập trung vào phổ thông và đại học. Trong 126 bài “quản lý”, bài về quản lý giáo dục phổ thông là nhiều nhất với 54 bài chiếm 42,9%, tiếp đến là quản lý giáo dục đại học với 32 bài chiếm 25,4% (Bảng 3).

Bảng 3. Số lượng và tỉ lệ các bài viết “quản lý” theo các loại trường học

Các loại trường theo cấp bậc giáo dục	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Mầm non	9	7,1
Tiểu học	11	8,7
Trung học cơ sở	17	13,5
Trung học phổ thông	13	10,3
Phổ thông	13	10,3
Cao đẳng	7	5,6
Đại học	32	25,4
Trường học	12	9,5
Không xác định	12	9,5
Tổng số	126	100,0

Số lượng bài viết về quản lý ở giáo dục cao đẳng chiếm tỉ trọng ít nhất với 5,6% (7 bài). Tiếp đến là giáo dục mầm non với 9 bài chiếm 7,1%; số còn lại là trường học nói chung

và không xác định. *Kết quả 6: khách thể - đồng chủ thể quản lý giáo dục chủ yếu là người học.* Trong 126 bài “quản lý” có tới 54 bài chiếm gần 43% không xác định rõ khách thể - đồng chủ thể quản lý giáo dục (Bảng 4).

Bảng 4. Số lượng và tỉ lệ các bài viết “quản lý” chia theo khách thể quản lý

Khách thể quản lý	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Học sinh	30	23,8
Sinh viên	14	11,1
Giáo viên*	13	10,3
Cán bộ quản lý	15	11,9
Không xác định	54	42,9
Tổng số	126	100,0

Ghi chú: (*) bao gồm 1 giảng viên đại học.

Trong các bài còn lại có 44 bài (34,9%) quản lý đối với người học là học sinh, sinh viên. Từ khóa “giáo viên” và “cán bộ quản lý” xuất hiện gần bằng nhau trong 28 bài “quản lý”.

Kết quả 7: các nội dung quản lý tập trung vào các yếu tố bên trong hệ thống giáo dục, thiếu nội dung bên ngoài với môi trường. Trong các bài quản lý, những bài có nội dung phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục là nhiều nhất với 18 bài (14,3%) (Bảng 5).

Bảng 5. Số lượng và tỉ lệ các bài “quản lý” chia các nội dung quản lý

Các nội dung quản lý	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục	18	14,3
Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục	17	13,5
Phát triển đội ngũ giáo viên	15	11,9
Hoạt động giảng dạy	12	9,5
Hoạt động học tập	8	6,4
Hoạt động giáo dục	7	5,6
Hoạt động giáo dục, đào tạo nghề	6	4,8
Hoạt động nghiên cứu khoa học	5	3,9
Hoạt động giáo dục kỹ năng sống	5	3,9
Giáo dục đạo đức, văn hóa	5	3,9
Hoạt động đảm bảo an toàn cho học sinh	5	3,9
Công nghệ, thiết bị dạy học	4	3,2
Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục	4	3,2
Hoạt động trải nghiệm	3	2,4
Hoạt động tài chính	3	2,4
Các nội dung khác	9	7,2
Tổng số	126	100,0

Tiếp đến là bài quản lý về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục (bên trong) với 17 bài (13,5%) và thứ ba là bài quản lý về phát triển đội ngũ giáo viên với 15 bài, gần 12%. Chỉ có 3 bài quản lý hoạt động tài chính (2,4%) và 3 bài quản lý hoạt động trải nghiệm trong giáo dục (2,4%). Như vậy, có thể thấy các bài quản lý tập trung vào các yếu tố bên trong nhà trường và rất thiếu bài về quản lý các mối quan hệ của nhà trường với các môi trường bên ngoài.

Thảo luận. Việc ít bài báo tập trung nghiên cứu lý thuyết các khoa học giáo dục có thể cho thấy các bài báo nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý có vấn đề “thừa lý luận, thiếu lý thuyết khoa học” [5, 6]. Mặc dù giáo

dục mầm non là nền tảng của hệ thống giáo dục, nhưng cấp giáo dục này có thể ít được chú trọng nghiên cứu. Giáo dục phổ thông và giáo dục đại học được nghiên cứu nhiều. Rất có thể là do đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục tập trung vào hai cấp giáo dục này, ví dụ chính sách về Chương trình giáo dục phổ thông (2018) và chính sách thi điểm thực hiện tự chủ đại học (2014). Phần lớn các bài báo tập trung vào giáo dục tri thức, do vậy để đảm bảo mục giáo dục toàn diện rất cần quan tâm nhiều hơn tới giáo dục đạo đức, giáo dục thể chất (sức khỏe), giáo dục thẩm mỹ và nghề nghiệp, văn hóa [1]. “Lãnh đạo, quản trị, hành chính” ít được nghiên cứu có thể do quan niệm coi quản lý tương tự như quản trị và bao gồm chức năng lãnh đạo và hành chính [6]. “Lãnh đạo” ít được nghiên cứu và khi được nghiên cứu lại được xem xét với nghĩa là năng lực lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo từ góc độ kinh nghiệm kinh nghiệm thực tế, mặc dù đã xuất hiện cả “rừng lý thuyết” khoa học lãnh đạo, quản lý giáo dục [11]. Trong bối cảnh này, cần ghi nhận việc giới thiệu và vận dụng lý thuyết lãnh đạo hướng dẫn (instructional leadership) trong nghiên cứu vai trò lãnh đạo trường học vì sự tiến bộ của người học [12-14]. Đồng thời, cần ghi nhận việc các lý thuyết thuộc loại kinh điển như quan điểm của Aristotle và Komensky về giáo dục, thuyết kiến tạo và thuyết văn hóa xã hội được quan tâm nghiên cứu trong một số bài báo năm 2020. Đồng thời, những lý thuyết hiện đại như thuyết học tập trải nghiệm của D. Kolb và thuyết trí tuệ đa bội của Howard Gardner có chiều hướng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, đây mới chỉ là một số ít trong lý thuyết các khoa học giáo dục [5] cần được tiếp tục tham khảo và vận dụng trong nghiên cứu các nội dung của các cấp giáo dục nhằm mục tiêu phát triển toàn diện con người. Phần lớn các bài báo tập trung nghiên cứu quản lý giáo dục phổ thông và giáo dục đại học, nhưng ít nghiên cứu giáo dục mầm non. Cùng với lý do chính sách đổi mới giáo dục tập trung vào hai cấp học này, rất có thể là do ít giáo viên mầm non và cán bộ giáo dục mầm non tiếp tục học sau đại học và nghiên cứu khoa học giáo dục. Trong 4 bài báo về quản lý kiểm tra, đánh giá trong giáo dục có 1 bài về “quản lý kiểm tra,

đánh giá học sinh”. Điều này có thể cho thấy nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đảm bảo khách quan, trung thực [1] vẫn chưa được hiểu đúng và chưa làm đúng trong thực tiễn. Bằng chứng là “thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục” thường bị biến thành “thi, kiểm tra và đánh giá học sinh”.

Việc các bài báo tập trung nghiên cứu các yếu tố nội bộ của hệ thống giáo dục cho thấy sự cần thiết của việc tìm hiểu, áp dụng cách tiếp cận lý thuyết hệ thống tổng quát trong nghiên cứu các khoa học giáo dục. Hệ thống giáo dục với các thành phần, cấu trúc và quá trình hoạt động của nó cần được xem xét trong mối quan hệ mở với các cơ hội và thách thức từ sự biến đổi liên tục của các môi trường, nhất là biến đổi của các loại thị trường, của khoa học, công nghệ số và hội nhập thế giới [16].

5. Kết luận

Theo cách tiếp cận lý thuyết hệ thống tổng quát, nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng quan scoping và bibliometrics đối với các bài tạp chí về giáo dục năm 2020 theo các từ khóa “lý thuyết, lãnh đạo, quản trị, quản lý, hành chính” trong tên và tóm tắt bài. Căn cứ kết quả nghiên cứu tổng quan có thể chấp nhận giả thuyết về vấn đề “thừa lý luận, thiếu lý thuyết khoa học” trong các nghiên cứu khoa học giáo dục ở Việt Nam. Giả thuyết về vấn đề thiếu sự phân hóa và nhằm lẫn quản lý với lãnh đạo, quản trị, hành chính có thể được chấp nhận khi đa số các bài báo viết về “quản lý” và ít bài về “lãnh đạo”, “quản trị”, “hành chính” trong giáo dục. Một phát hiện khác là đa số các bài báo nghiên cứu hoạt động giáo dục, giảng dạy, học tập nhằm mục tiêu giáo dục nhận thức và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong giáo dục phổ thông và giáo dục đại học. Do vậy, có thể cần tăng cường nghiên cứu để hiểu đúng và thực hiện đúng mục tiêu giáo dục toàn diện đảm bảo cân đối, hài hòa giáo dục trí tuệ với giáo dục đạo đức, thể dục, thẩm mỹ, nghề nghiệp, văn hóa. Đồng thời cần chú trọng nghiên cứu và phát triển giáo dục mầm non và giáo dục nghề nghiệp; Cần mở rộng nội dung,

đối tượng và phạm vi nghiên cứu khoa học giáo dục sang mối quan hệ của giáo dục với xã hội nhằm thích ứng với các điều kiện thị trường, yêu cầu hội nhập thế giới và chuyển đổi số.

Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu nêu trên có thể bị hạn chế bởi phương pháp tổng quan scoping và bibliometrics đối với mẫu khảo sát nhỏ gồm tên bài báo và bản tóm tắt bài báo đăng trong 3 tạp chí giáo dục năm 2020. Do vậy, các giả thuyết với các phát hiện có thể đặt ra vấn đề cần thiết nghiên cứu với quy mô mẫu khảo sát lớn hơn bao quát phạm vi không gian - thời gian rộng dài hơn. Đồng thời, các dữ liệu cần được thu thập, xử lý, phân tích thông qua các phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu định lượng và định tính phức tạp hơn.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.20.48.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vietnam Communist Party, Resolution 29-NQ/TW on The Fundamental, Comprehensive Renovation of Education and Training to Meet the Needs of Industrialization, Modernization in Oriented Socialism Market Economy Conditions and International Integration, 2013 (in Vietnamese).
- [2] V. T. Le, H. N. Nguyen, T. A. Dang, The Proposed some Tendencies of Educational Research from the Point of View of Local Pedagogical School, Vietnam Journal of Education, Vol. 481, No. 1, 2020, pp. 12-17 (in Vietnamese).
- [3] T. P. T. Trinh, Vietnam's International Publication in the XXI Century: Achievements and Limitation, Journal of Education and Society, Vol. 492, No. 2, 2020, pp. 1-5 (in Vietnamese).
- [4] Q. H. Vuong, M. T. Do, T. V. A. Pham, T. A. Do, T. P. T. Doan, A. D. Hoang, T. H. Ta, Q. A. Le, H. H. Pham, The Status of Educational Sciences in Vietnam: A Bibliometric Analysis from Clarivate Web of Science Database between 1991 and 2018 Problems of Education in the 21st Century, Vol. 78, No. 4, 2020, pp. 644-666.
- [5] L. N. Hung, Theories of Education Sciences on Society - Education - Individual, VNU Journal of Science: Education Research, Vol. 36, No. 3, 2020, pp. 61-67 (in Vietnamese), <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4452>.

- [6] L. N. Hung, Leadership, Governance, Management, Administration in Training Teachers and Education Officers, VNU Journal of Science: Education Research, Vol. 37, No. 3, 2021, pp. 1-10 (in Vietnamese), <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4555>.
- [7] H. Arksey, L. O'Malley, Scoping Studies: Towards a Methodological Framework, International Journal of Social Research Methodology, Vol. 8, No. 1, 2005, pp. 19-32, <https://doi.org/10.1080/1364557032000119616>.
- [8] A. M. Masethe, H. D. Masethe, Solomon Adeyemi Odunaiké, Scoping Review of Learning Theories in the 21st Century, Proceedings of the World Congress on Engineering and Computer Science, San Francisco, USA, 2017, pp. 25-27.
- [9] N. P. T. Orfa, V. A. Alejandro, A Bibliometric Analysis of the Use of Open Source Software in Educational Contexts, Problems of Education in the 21st Century, Vol. 78, No. 1, 2020, pp. 114.
- [10] T. A. Tran, The Weaknesses of Vietnam Educational Research: Reason and Solution, Can Tho University Journal of Science, Part C: Social Sciences and Humanities and Education, Vol. 33, 2014, pp. 128-137 (in Vietnamese).
- [11] L. N. Hung, Theories of Leadership and Management Meeting the Requirements from the Fundamental, Comprehensive Renovation of Vietnam Education, Journal of Communist (online), 2018 (in Vietnamese).
- [12] T. Q. Trinh, Building the Assessment Scale of the Secondary School Principal's Instructional Leadership, Journal of Education Management, Vol. 10, No. 6, 2018, pp. 13-17 (in Vietnamese).
- [13] P. H. Hallinger, A. Walker, N. T. H. Dao, T. Thang, N. T. Thinh, Perspectives on Principal Instructional Leadership in Vietnam: A Preliminary Model, Journal of Educational Administration, Vol. 55, No. 2, 2017, pp. 222-239.
- [14] L. N. Hung, Instructional Leadership Theory for Educational Quality and Performance, Journal of State Organization, 2021 (in Vietnamese).
- [15] L. N. Hung, Instructional Theory for the Educational Quality and Effectiveness, *State Organization Journal*, Vol. 11, 2021, pp. 42-45 (in Vietnamese).
- [16] L. N. Hung, B. T. Phuong, Digitalized Management of Education and Smart School Libraries, Vietnam Journal of Education, Vol. 4, No. 1, 2020, pp. 76-82.